

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 294/QĐ-UB

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 1977

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC THU PHÍ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ nghị định số 01/NĐ-74 ngày 12-9-1974 của Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam quy định nhiệm vụ và tổ chức chánh quyền cách mạng ở địa phương ;

- Xét một số khoản “tạp thu” của chế độ cũ đã vận dụng trong Thành phố Hồ Chí Minh từ sau ngày giải phóng không còn thích hợp với tình hình mới của Thành phố ;

- Theo đề nghị của ông Giám đốc Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Nay ban hành :

a/ Điều lệ tạm thời về thu “lệ phí: khai thác đất công, gọi tắt là tiền chỗ.

b/ Điều lệ tạm thời về thu phí bến xe, bến ghe, bến tàu, bến đò, gọi xe 2 bánh.

Điều 2.- Bãi bỏ những thể lệ hiện hành về các khoản thu trên trái với điều lệ tạm thời này.

Điều 3.- Các Ông Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Sở Thương nghiệp, Sở Vệ sinh, Sở Quản lý nhà đất và công trình công cộng, Sở Thuế, Sở Công an và Chủ tịch UBND các quận, huyện chiếu quyết định thi hành.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC

VŨ ĐÌNH LIỆU

ĐIỀU LỆ TẠM THỜI**VỀ THU LỆ PHÍ KHAI THÁC ĐẤT CÔNG****PHẦN I****TÍNH CHẤT, YÊU CẦU, ĐỐI TƯỢNG THU**

Điều 1.- Chợ, đường phố và các bãi đất công khác là tài sản chung của nhân dân. Những người được khai thác sử dụng cho lợi ích riêng thì phải nộp một khoản tiền bồi khoản phí tổn xây cất, bảo dưỡng, cho loại kiến trúc đặc biệt này và phí tổn phục vụ trong quá trình sử dụng.

Khoản thu này gọi là “lệ phí khai thác đất công”. Gọi tắt là “tiền chỗ”

Điều 2.- Mục đích, yêu cầu thu :

a/ Tiền chỗ khai thác chợ và đất công của Thành phố, nhằm thu hồi phí tổn xây cất, bảo dưỡng, các công trình kiến trúc, phí tổn phục vụ cải thiện điều kiện mua bán, trao đổi hàng hóa ở các chợ.

b. Khuyến khích sử dụng hợp lý và tiết kiệm diện tích mặt bằng chợ, hạn chế chiếm đường phố, đất công làm nơi tụ tập mua bán, chứa hàng, xây cất nhà cửa, hoặc dùng vào lợi ích riêng khác cho cá nhân một cách vô tổ chức, gây trở ngại cản trở giao thông, kém mỹ quan thành phố.

c/ Hỗ trợ quản lý thị trường, cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Điều 3.- Đối tượng thu :

“Tiền chỗ” thu vào các đối tượng sau đây :

- Chủ hàng hóa và những người làm nghề sửa chữa vật được phép để hàng, bán hàng, hành nghề trên các chợ, đường phố, bãi đất công.

- Chủ nhà hiện nay đã lấn chiếm lộ giới.

- Các hình thức phô trương có tính chất choán đất công khác.

PHẦN II**BIỂU THU**

Điều 4.- Mức thu tiền chỗ ở khu vực chợ cho những bán hàng và người làm nghề sửa chữa vật :

a/ Mức thu căn bản ấn định cho mỗi chỗ dưới 3m² trong khu vực chợ và những bãi đất được bố trí làm nơi buôn bán coi như chợ :

CHỢ	MỨC THU TRONG LÒNG CHỢ	
	Thực phẩm tươi sống, quà bánh chế biến bằng lương thực phụ	Hàng khác
-Bến Thành, Bình Tây	4 xu/m ² /ngày	5xu/m ² /ngày
-Các chợ khác thuộc quận nội thành	3 - 3,5 xu/m ² /ngày	3,5 – 4xu/m ² /ngày
-Các chợ thị trấn 5 quận ngoại thành	2,5 xu/m ² /ngày	3 xu/m ² /ngày
-Các chợ nông thôn	2 xu/m ² /ngày	2 xu/m ² /ngày

Mức thu ở sân chợ bằng 80% mức thu trong lòng chợ. Riêng chợ nông thôn thu đồng loạt 2xu/m² không phân biệt loại hàng và vị trí chỗ bán hàng.

Khu vực bán hàng ăn, giải khát có bày bàn ghế trong chợ, thu đồng loạt 8xu/m²/ngày.

b. Áp dụng mức thu tiền chỗ “lũy tiến” toàn phần cho những bàn hàng chiếm chỗ trên diện tích giới hạn trong khu vực chợ.

- Diện tích dưới 3m² hệ số lũy tiến: 1,00
- Từ 3m² đến dưới 5m² hệ số lũy tiến 1,25
- Từ trên 5 m² đến 8m² hệ số lũy tiến: 1,50
- Từ trên 8m² hệ số lũy tiến: 2,00

c/ Điều này không áp dụng đối với quán hàng, quầy hàng của mậu dịch quốc doanh được phép tổ chức bán ngoài khu vực chợ.

Quầy hàng của mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã không phải áp dụng mức thu lũy tiến.

Điều 5.- Mức thu tiền chỗ ngoài khu vực chợ :

a/ Chỗ được phép bày bán hàng, hàng nghề thủ công trên đường phố chính, công viên, xung quanh bến xe, bến ghe, bến tàu, ga xe lửa trong thành phố và thị trấn : 5xu/m²/ngày. Chỗ được phép bày bán hàng, hàng nghề thủ công ngoài khu vực trên : giảm 25%.

- Nếu có che tãng, che dù, bày bàn ghế, hoặc hàng cồng kênh, chỗ sửa xe gắn máy, tủ lạnh, ô tô, .. = 10xu/m²/ngày.

b. Những quán hàng được phép xây cất trên đất công bất cứ hình thức nào xung quanh khu vực chợ, bến xe, bến ghe, bến tàu, ga xe lửa, công viên

trong Thành phố, thị trấn chủ yếu để bày hàng buôn bán hoặc cùng vào sinh lợi khác :

- Hàng hóa và các nghề thủ công : 7xu/m²/ngày.
- Buôn bán khác: 10xu/m²/ngày.

Những quán hàng được phép xây cất ở khu vực khác, giảm 25%.

Chủ quán không phải nộp tiền thuê đất công và thuê thổ trạch nhà.

c/ Điều này không áp dụng đối với quán hàng, quầy hàng của mậu dịch quốc doanh được phép tổ chức ngoài khu vực chợ.

Điều 6.-

a/ Hàng hóa từ phương tiện vận tải bốc xuống bến bãi, đường phố hoặc chuyển thẳng từ phương tiện vận tải đi ngang qua lề đường vào kho và ngược lại.

- Mỗi tấn hoặc 1m² : 20 xu, hoặc
- Mỗi bao, giỏ, kiện và những vật chứa khác có dung tích dưới 100 tấn khối : 3 xu
- Heo lớn, dê : 5xu/con
- Trâu, bò : 15xu/con

Những loại hàng không tính toán được đơn vị thì thu 2 phần ngàn/giá trị hàng hóa.

Hàng hóa vận chuyển trong Thành phố chỉ tính một lần bốc lên hoặc bốc xuống trong 1 ngày.

b/ Điều này không áp dụng :

- Hàng hóa bốc lên bốc xuống ở các bến bãi không ảnh hưởng đến lưu thông chung.
- Hàng hóa của Nhà nước, xí nghiệp quốc doanh, hợp tác xã chở bằng xe các loại bốc thẳng từ xe vào kho hoặc ngược lại, nếu ở những nơi này không có điều kiện cho phương tiện vận tải vào bên trong được.
- Hàng của mậu dịch quốc doanh bán lẻ, hợp tác xã chở đi phân phối trực tiếp cho người tiêu thụ.
- Tài sản của nhân dân di chuyển chỗ ở, hành lý, súc vật của nhân dân đi lại không có tính chất mua bán tạm để ở lề đường rồi chuyển đi.

- Tài sản của nhân dân chuyển đi vùng kinh tế mới được phòng cho phép xây dựng ở nơi quy định.

Điêu 7.-

a/ Các hình thức choán đất công, lấn lộ giới để chứa hàng hóa, vật liệu (trừ vật liệu làm cầu đường của ngành giao thông vận tải để ở khu vực công trình), làm ụ ghe, ụ tàu.. từ 1 ngày trở lên ở quanh khu vực chợ, công viên, bến xe, bến ghe, bến tàu, nhà ga : 10xu/m²/ngày. Ở các khu vực khác : 5xu/m²/ngày.

Các kho bãi thuộc tài sản của xí nghiệp quốc doanh : áp dụng theo quy chế của xí nghiệp quốc doanh.

b/ Bảng hiệu, quảng cáo hàng hóa hoặc vật thể có tính chất quảng cáo khác đặt trên lề đường, gắn trên tường nhô ra phía lề đường, hoặc gắn trên bao lon, mái hiên vượt qua lộ giới và ở trên các bãi đất công khác : 5xu/m²/ngày cho mỗi bảng.

Điêu 6.- Lấn lộ giới mở rộng chỗ ở dưới hình thức xây nhà hoặc bao chiếm làm sân nhà :

- Hộ có hoạt động kinh doanh : 3,60đ/m²/năm.

- Hộ không có hoạt động kinh doanh : 1,80đ/m²/năm.

Điêu này cũng áp dụng trong các khu cư xá do Nhà nước quản lý có đông người ở, tùy tiện lấn chiếm đất mở rộng khu nhà ở, che mái hiên, hoặc dựng lên chòi trại, nhà phụ khác ngoài diện tích thiết kế ban đầu.

Đối với đất công cho thuê cất nhà hoặc dùng vào việc khác không áp dụng hình thức thu này.

PHẦN III

MIỄN GIẢM, PHẠT

Điêu 9.- Miễn giảm:

1- Miễn thu ngày 30 (hoặc 29), mừng 1, mừng 2, 3 Tết âm lịch cho điêu 4, 5, 6.

2- Miễn thu tiền chỗ bán rong : bung, gánh bán ngoài khu vực chợ, xe đẩy tay bán thực phẩm tươi sống và nông sản phụ khác lưu động trong các phố và cư xá.

3- Miễn thu lấn lộ giới mở rộng khu vực nhà ở đã có trước ngày giải phóng cho nhân dân lao động nghèo và nhà của Nhà nước quản lý.

5- Đại diện của chánh quyền sở tại

6- Đại biểu của bạn hàng.

Ban Quản lý chợ do Ủy ban nhân dân quận quyết định với 1 số nhân viên cần thiết để làm những nhiệm vụ nói ở điều 12 dưới đây.

Tùy khoảng cách các chợ gần nhau trong quận, chợ lớn, chợ nhỏ, mỗi Ban quản lý có thể phụ trách 1 hay 2 chợ.

Khu vực chợ có bến xe, bến ghe, có thể sát nhập Ban quản lý chợ và Ban quản lý bến làm 1, bổ sung thành phần cho đủ.

d/ Các chợ ở nông thôn do Ủy ban nhân dân xã cử người quản lý.

Điều 12.- Nhiệm vụ của Ban quản lý chợ :

1- Sắp xếp, tổ chức mua bán, quản lý thị trường, giá cả trong khu vực mình phụ trách.

2- Tổ chức giữ gìn trật tự an ninh trong khu vực chợ.

3- Tổ chức giữ gìn vệ sinh khu vực chợ.

4- Chăm lo tu sửa cải thiện điều kiện mua bán trong chợ.

5- Thu và đốc thu các khoản nói ở điều lệ tạm thời này.

6- Quản lý kinh phí của Ban quản lý chợ theo chế độ chung.

Điều 13.- Phạm vi hoạt động của Ban quản lý chợ bao gồm khu vực chợ và trên các đường phố từ ranh giới giữa phạm vi chợ này đến chợ khác do các Ban quản lý chợ bàn bạc thống nhất.

Điều 14.- Tất cả số tiền thu lệ phí khai thác đất công đều phải nộp vào ngân sách thành phố. Kinh phí hoạt động cho Ban quản lý chợ do cơ quan tài chánh xét cấp theo dự toán hằng quý, hằng năm được duyệt theo các khoản :

1- Lương cho nhân viên của Ban quản lý và nhân viên phục vụ để làm những nhiệm vụ ghi ở điều 12 nói trên,

2- Hoạt động phí,

3- Bảo dưỡng tài sản và sửa chữa nhỏ nhà cửa kiến trúc trong chợ.

Chế độ chi tiêu tài vụ phải được chấp hành theo chế độ quản lý tài chánh thống nhất do Phòng tài chánh quận giám sát.

Kế hoạch sửa chữa các công trình kiến trúc trong khu vực chợ phải được Sở Nhà đất và công trình công cộng thông qua, tùy theo khối lượng sửa chữa mà dự toán nguồn kinh phí thích hợp.

PHẦN V

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 15.- Các khoản thu ghi ở điều 4, 5, 6, 7 được thi hành kể từ ngày ban hành điều lệ này.

Các khoản thu ghi ở điều 8 được thi hành từ 1-1-1977.

Bãi bỏ các loại thu hiện hành về hoa chi chợ, choán đất công, lấn lộ giới, quảng cáo, bảng hiệu, bao lơn mái hiên.. trái với điều lệ tạm thời này.

Điều 16.- Những cá nhân hoặc đơn vị có nhiệm vụ thi hành điều lệ tạm thời này không phải nộp khoản tiền có tính chất lệ phí nào khác.

Điều 17- ở Tài chánh có nhiệm vụ phổ hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức hướng dẫn thi hành điều lệ tạm thời này.

ĐIỀU LỆ TẠM THỜI

VỀ THU LỆ PHÍ BẾN XE, BẾN GHE,
BẾN TÀU, BẾN ĐÒ, GỖI XE 2 BÁNH

PHẦN I

TÍNH CHẤT, YÊU CẦU, ĐỐI TƯỢNG THU

Điều 1.- Bến xe, bến ghe, bến đò, bãi giữ xe 2 bánh, là tài sản chung - loại kiến trúc đặc biệt phục vụ cho hoạt động giao lưu hàng hóa, hành khách, người đi đường thuận tiện. Những người “khai thác” phải nộp 1 khoản tiền gọi là lệ phí bến - lệ phí bến xe, bến ghe, bến tàu, bến đò, giữ xe 2 bánh, để bồi khoản phí tổn xây dựng, bảo dưỡng và phục vụ cho loại kiến trúc đặc biệt này.

Điều 2.- Mục đích, yêu cầu thu :

a/ Các khoản thu lệ phí trên phải đảm bảo thu hồi phí tổn xây cất, bảo dưỡng sửa chữa các công trình kiến trúc, không ngừng cải thiện điều kiện phục vụ đi lại giao lưu hàng hóa, hành khách.. ở các bến, bãi.

b/ Hỗ trợ quản lý giao thông, quản lý thị trường, góp phần giữ gìn trật tự an ninh và mỹ quan thành phố.

Điều 3.- Đối tượng thu :

a/ Các chủ phương tiện vận tải bộ, thủy có hoạt động kinh doanh và không hoạt động kinh doanh đã sử dụng khai thác đường giao thông bến bãi trong thành phố.

b/ Hành khách đi đò.

c/ Người gửi xe 2 bánh (xe đạp, xe gắn máy).

Điều 4.- Những phương tiện vận tải dùng vào hoạt động kinh doanh đậu ở các bến, bãi theo tuyến đường được phép hoạt động, người chủ phương tiện vận tải phải nộp lệ phí như sau :

1- Xe 4 bánh có động cơ :

- Xe tải trên 4 tấn và xe khách có trên 40 chỗ ngồi = 1đ50/ngày/xe.

- Xe tải từ 1,5 tấn đến dưới 4 tấn và xe khách từ 15 đến dưới 40 chỗ ngồi = 1đ20/ngày/xe.

- Xe tải dưới 1,5 tấn và xe khách, xe con dưới 15 chỗ ngồi = 0đ80/ngày/xe. Xe đăng ký hoạt động trong 5 quận ngoại thành hoặc liên quận ngoại thành kể cả các quận giáp ranh với tỉnh khác, được giảm 25%.

- Miễn thu các loại xe chuyên dùng chở học sinh và công nhân viên chức đi làm đàu bất cứ nơi nào trên tuyến đường xe chạy cho người lên hoặc xuống.

2- Xe 3 bánh có động cơ :

- Xe lam 50xu/ngày/xe.

- Xích lô máy và xe gắn máy có thùng ở sau dùng chở hàng và chở khách thuê = 30xu/ngày/xe.

- Xe đăng ký hoạt động ở 5 quận ngoại thành, hoặc liên quận ngoại thành = được giảm 50%.

3- Xe 3 bánh không có động cơ, xe súc vật kéo = 15xu/ngày/xe.

Miễn thu xe hoạt động trong 5 quận ngoại thành, hoặc liên quận ngoại thành.

4- Các loại tàu, ghe có hàng hoặc không có hàng cập bến ngoài khu vực thương cảng Khánh Hội và quân cảng, tạm nộp lệ phí theo bảng kèm.

Tàu, ghe cập bến thuộc công trình kiến trúc của xí nghiệp cảng (hạch toán kinh tế) áp dụng theo quy chế của xí nghiệp cảng.

Điều 5.- Các loại xe, ghe, tàu đăng ký nộp khoán hằng tháng sẽ được giảm 25% và được ghé bất cứ bến nào trong Thành phố trên tuyến đường được phép hoạt động.

Xe, ghe, tàu nộp lệ phí theo chuyến, theo ngày, chỉ có giá trị ở bến nộp lệ phí.

Các loại xe 3-4 bánh sau ngày hoạt động, hoặc trong những ngày nằm chờ mồi, nghỉ, sửa chữa,.. được phép đậu ở các khu vực : phố chính, công viên, ga xe lửa, bến xe, bến ghe, chợ.. nộp lệ phí tiền chỗ = 50% lệ phí trên. Ở các nơi khác, tùy mức độ ảnh hưởng lưu thông và hoạt động công cộng của nhân dân phải nộp 25% lệ phí bến hoặc miễn.

Điều 6.- Những người được phép khai thác bến đò, được thu cước qua đò như sau :

Bề rộng của lòng sông dưới 100 mét :

- Hành khách = 2xu/lượt/người

- Xe đạp = 2xu/lượt/chiếc
- Xe gắn máy = 4xu/lượt/chiếc
- Xe 3 bánh = 10xu/lượt/chiếc
- Hàng hóa khác = tùy diện tích hàng choán chỗ so với diện tích choán chỗ của hành khách mà tính.

Bề rộng lòng sông trên 100 mét, cứ mỗi chiều dài tăng thêm từ 50 đến 100 mét = tăng thêm 1 lần giá cước cơ bản.

2- Ghe, xuồng chèo tay : bề rộng của lòng sông dưới 50m tính theo giá đò máy trên.

Bề rộng lòng sông trên 50 mét, cứ mỗi chiều dài tăng thêm từ 20 đến 50 mét = tăng thêm 1 lần giá cước.

3- Công nhân, cán bộ.. đi lại thường xuyên mua vé tháng được giảm 50% giá cước.

Điều 7.- Những người có xe đạp và xe gắn máy gửi ở các bãi giữ xe, 1 lần gửi như sau :

* Xe đạp = 4xu

* Xe gắn máy = 10xu

Điều này không áp dụng cho những trường hợp như sau :

a/ Chỗ giữ xe 2 bánh trong vòng rào cơ quan, xí nghiệp, trường học, đơn vị do cơ quan tổ chức giữ không thu tiền vào người gửi xe.

b/ Chỗ giữ xe cho các đại biểu đến dự hội nghị không lấy tiền.

c/ Chỗ giữ xe cho học sinh, sinh viên do nhà trường tổ chức không lấy tiền, hoặc lấy chỉ đủ trả lương cho người giữ đối với những nơi không có điều kiện cho xe của học sinh để trong khu vực trường.

PHẦN II

MIỄN GIẢM, PHẠT

Điều 8.- Những phương tiện vận tải đăng ký nộp lệ phí khoán hàng tháng được miễn thu trong những ngày ngừng hoạt động, do :

- 1- Phương tiện vận tải vào trung đại tu.
- 2- Phương tiện vận tải vào sửa chữa vì bị tai nạn.

3- Chủ phương tiện vừa là người lái bị ốm đau, hoặc vì lý do đặc biệt khác, không có người lái thế.

Điều 9.- Miễn thu tiền dò cho :

1- Nông dân hàng ngày phải qua lại làm ăn 2 bên bờ sông.

2- Học sinh trong ngày đi học.

3- Thương binh, người tàn tật, trẻ em dưới 10 tuổi.

Điều 10.- Áp dụng hình thức phạt đối với những người vi phạm sau đây :

a/ Xe, ghe, tàu đậu không đúng bãi quy định, hoặc đậu sai tuyến được phép hoạt động, phạt từ 1 đến 2 lần lệ phí bến phải nộp.

B/ Xe 2 bánh để linh tinh trên đường phố ở khu vực có chỗ gửi xe 2 bánh, phạt 0đ20/xe đạp và 0đ50/xe gắn máy.

PHẦN III

TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 11.- Nhằm thực hiện đúng tính chất, yêu cầu thu như nói ở điều 1, 2 ở các khu vực bến xe, bến ghe, bến tàu, thành lập Ban Quản lý bến với thành phần và nhiệm vụ như sau :

a/ Thành phần Ban Quản lý bến gồm có :

1. Đại diện của Sở hoặc Phòng Giao thông vận tải : Trưởng ban

2. Đại diện của Sở hoặc Phòng An ninh quận : Phó ban

3. Đại diện của Phòng Tài chính và Phòng thuế quận : Phó ban.

4. Đại diện của đội hoặc Sở Vệ sinh

5. Đại diện của chánh quyền phường sở tại

6. Đại diện của các công đoàn vận tải.

Nếu các bên cùng khu vực với chợ, thì phối hợp 2 Ban Quản lý làm một và bổ sung thành phần cho đủ.

Ban Quản lý bến do Ủy ban nhân dân quận quyết định với 1 số nhân viên cần thiết để đảm bảo nhiệm vụ theo điểm b dưới đây.

b/ Nhiệm vụ của Ban Quản lý bến :

1. Tổ chức điều hành các phương tiện vận tải ra vào bến và kiểm tra lộ trình. Quản lý giá cước vận chuyển và bốc xếp tại bến.

2. Quản lý thị trường tại bến, ngăn chặn các phương tiện vận tải chở hàng trái phép.

3. Tổ chức giữ gìn trật tự an ninh trong bến.

4. Tổ chức giữ gìn vệ sinh trong bến.

5. Chăm lo tu sửa cải thiện điều kiện phục vụ hành khách đi lại ở bến.

6. Kiểm tra thuế vụ, lệ phí bến.

7. Kế toán thu chi quản lý bến.

c. Phạm vi hoạt động của các Ban Quản lý bến là trong khu vực bến và các đường phố kế cận. Đối với đường sông là khu vực hoạt động giữa Ban Quản lý bến này với bến khác,.

Điều 12.- Kinh phí hoạt động cho các Ban Quản lý bến : số thu được về lệ phí bến sẽ trích lại cho các Ban Quản lý bến 1 tỷ lệ phần trăm thích hợp để chi các khoản sau đây :

1- Lương cho nhân viên trong Ban quản lý và các nhân viên phục vụ bến để làm những nhiệm vụ nói ở điều 11/b trên đây,

2- Hoạt động phí,

3- Bảo dưỡng tài sản và sửa chữa nhỏ nhà cửa kiến trúc trong khu vực bến.

Ban quản lý bến có thể có phương tiện hoạt động trên sông.

Chế độ chi tiêu tài vụ phải được chấp hành theo chế độ quản lý tài chánh thống nhất do Phòng tài chánh quận giám sát.

Kế hoạch tu bổ, sửa chữa bến phải thông qua Sở Giao thông vận tải hoặc Phòng Giao thông vận tải theo sự phân cấp quản lý của Sở Giao thông vận tải.

Điều 13.- Ngoài các bến đò do Nhà nước tổ chức khai thác áp dụng theo chế độ hạch toán kinh tế, người khai thác bến đò phải do chánh quyền phường hoặc xã giới thiệu là người không có nguồn thu nhập chính nào khác, có đủ sức khoẻ đảm bảo an toàn việc đi lại của nhân dân và được Ủy ban nhân dân quận quyết định theo đề nghị của : Phòng Giao thông vận tải, Phòng Tài chánh, Phòng An ninh quận.

Phòng Giao thông vận tải, Tài chính, An ninh quận nghiên cứu những địa điểm bố trí đò cho thuận tiện nhân dân đi lại.

Điều 14.- Người khai thác bến đò phải đảm bảo những điều kiện sau đây :

1- Phương tiện đưa đò phải chắc chắn, phải đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hành khách và hành lý.

2- Đảm bảo giờ giấc và số chuyến qua lại trên sông theo tập quán qua lại của hành khách. Phục vụ vô điều kiện trong những trường hợp khẩn cấp bất cứ giờ nào.

3- Đảm bảo thu đúng giá cước.

4- Vì điều kiện nào đó không tiếp tục hành nghề được, phải báo trước cho chánh quyền địa phương. Khi có người khác thay thế mới được nghỉ.

5- Khi bắt buộc phải nghỉ, người đưa đò phải giao lại phương tiện (nếu là phương tiện của Nhà nước) được tu sửa chắc chắn. Chánh quyền có thể mua lại hoặc trưng dụng 1 thời gian có trả phí tổn (nếu là phương tiện tư nhân) để cho người khác tiếp tục đưa đón khách.

Điều 15.- Việc thu cước đò phải theo vé phát hành thống nhất của Sở Tài chính.

Tùy theo mỗi bến, Phòng Tài chính, Phòng Giao thông, Phòng An ninh quận quy định số lượng người cần thiết để đảm bảo giờ giấc và đưa đón an toàn hành khách. Kết quả thu tiền đò, người khai thác đò được trích tỷ lệ hoa hồng cần thiết để đảm bảo đời sống hợp lý và chi phí cho bảo dưỡng sửa chữa đò.

Điều 16.- Người khai thác bãi giữ xe 2 bánh, phải được chánh quyền phường, xã giới thiệu là nhân dân lao động, kém sức khỏe, neo đơn, không có nguồn thu nhập chính nào khác và được Ủy ban nhân dân quận quyết định theo đề nghị của Phòng Tài chính, Phòng Giao thông vận tải và Phòng An ninh quận.

Phòng Tài chính, Giao thông, An ninh quận nghiên cứu bố trí những địa điểm giữ xe 2 bánh trong quận cho thuận tiện người gửi, hạn chế đến mức thấp nhất xe để linh tinh trên đường phố vì thiếu chỗ giữ xe.

Điều 17.- Người khai thác chỗ giữ xe 2 bánh phải đảm bảo những điều kiện sau đây :

1- Phải có thái độ phục vụ tốt, đảm bảo giờ giấc giữ xe theo tập quán của nhân dân thường đi lại gửi xe.

2- Đảm bảo thu đúng giá cước.

3- Đảm bảo an toàn tài sản người gửi. Mất phải đền.

Điều 18.- Thu tiền gửi xe 2 bánh phải theo vé thống nhất do Sở Tài chính phát hành.

Tùy mỗi bãi giữ xe, Phòng Tài chính, Phòng Giao thông vận tải, Phòng An ninh quận quy định số lượng người cần thiết để đảm bảo giờ giấc giữ xe và an toàn tài sản cho người gửi.

Cơ quan quản lý được trích 1 tỷ lệ hoa hồng cần thiết để đảm bảo đời sống hợp lý cho người giữ xe và bảo hiểm giữ gìn an toàn tài sản cho người gửi, số còn lại được nộp vào ngân sách Thành phố.

PHẦN IV

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 19.- Các khoản thu trong Điều lệ này được thi hành :

1- Lệ phí bến xe được thi hành từ 1-1-1977 nộp theo chế độ 3 tháng 1 lần.

2- Lệ phí bến ghe, bến tàu, bến đò, chỗ giữ xe 2 bánh được thi hành từ ngày ban hành điều lệ này.

Điều 20.- Bãi bỏ chế độ thu lệ phí bến xe, bến ghe, bến tàu, bến đò, chỗ giữ xe 2 bánh đang thi hành trái với Điều lệ này.

Những người có nhiệm vụ nộp các khoản lệ phí trên, không phải nộp khoản tiền có tính chất “lệ phí” nào khác.

Điều 21.- Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức hướng dẫn thi hành điều lệ này.

BẢNG GIÁ BIỂU LỆ PHÍ TÀU THUYỀN ĐẬU BẾN

Loại phương tiện	TRỌNG TẢI	Giá biểu	Thời gian lưu đậu	GHI CHÚ
- Sà lan, thuyền không có động cơ	1 tấn đến 5 tấn	0đ05	5 ngày	
	Trên 5 tấn đến 10 tấn	0,10	5 ngày	
	Trên 10 tấn đến 20 tấn	0,20	5 ngày	
	Trên 20 tấn đến 30 tấn	0,30	5 ngày	
	Trên 30 tấn đến 50 tấn	0,50	5 ngày	
	Trên 50 tấn đến 70 tấn	0,70	5 ngày	
	Trên 70 tấn đến 100 tấn	1,00	5 ngày	
	Trên 100 tấn đến 150 tấn	1,25	5 ngày	
	Trên 150 tấn đến 200 tấn	1,50	5 ngày	
	Trên 200 tấn đến 250 tấn	1,75	5 ngày	
	Trên 250 tấn đến 300 tấn	2,00	5 ngày	
	Trên 300 tấn	2,50	5 ngày	

-Tàu, thuyền có động cơ	Dưới 10 tấn	0,50	5 ngày	
	Trên 10 tấn đến 20 tấn	0,90	5 ngày	
	Trên 20 tấn đến 30 tấn	1,20	5 ngày	
	Trên 30 tấn đến 50 tấn	1,60	5 ngày	
	Trên 50 tấn đến 100 tấn	2,10	5 ngày	
	Trên 100 tấn đến 150 tấn	2,60	5 ngày	
	Trên 150 tấn đến 200 tấn	3,10	5 ngày	
	Trên 200 tấn đến 250 tấn	3,60	5 ngày	
	Trên 250 tấn đến 350 tấn	4,10	5 ngày	
	Trên 300 tấn	4,50	5 ngày	
- Tàu kéo	Tàu dưới 45 CV	0,50	Tính cho một ngày	Đậu không quá 5 ngày
	Trên 45 CV đến 75 CV	1,00	Tính cho một ngày	Đậu không quá 5 ngày
	Trên 75 CV đến 100 CV	1,50	Tính cho một ngày	Đậu không quá 5 ngày
	Trên 100 CV đến 125 CV	2,00	Tính cho một ngày	Đậu không quá 5 ngày

	Trên 125 CV đến 150 CV	2,50	Tính cho một ngày	Đậu không quá 5 ngày
	Trên 150 CV đến 200 CV	3,00	Tính cho một ngày	Đậu không quá 5 ngày
	Trên 200 CV đến 250 CV	3,50	Tính cho một ngày	Đậu không quá 5 ngày
	Trên 250 CV đến 300 CV	4,00	Tính cho một ngày	Đậu không quá 5 ngày
	Trên 300 CV đến 350 CV	4,50	Tính cho một ngày	Đậu không quá 5 ngày
	Trên 350 CV	5,00	Tính cho một ngày	Đậu không quá 5 ngày
- Tàu biển và ven biển		0đ035/đôn số	Ngày đêm	